

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HS-ST.
Ngày: 04-7-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Khắc Hiếu;

Ông Lê Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HS ngày 12/6/2024 đối với bị cáo:

Phan Long H (tên gọi khác: không), sinh ngày 17 tháng 11 năm 1998; cư trú tại: khu phố N, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Long T (chết) và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Sơn Hòa; có mặt

Bị hại:

1. Ông Hà Thúc K, sinh năm 1977; cư trú tại: thôn B, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

2. Chị Phan Thị Minh T, sinh năm 2002; cư trú tại: khu phố P, phường H, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Lâm T, sinh năm 1974; cư trú tại: khu phố M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1999; cư trú tại: khu phố N, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 29/5/2023, Phan Long H rủ anh Hà Thúc K đến quán cà phê G ở đường N, Phường K, thành phố T uống nước. Tại quán, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh K nên nói dối cho H mượn xe mô tô để đi chở bạn đến cùng uống nước, anh K tin là thật nên đồng ý giao xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen xám, biển số 78E1-381.54 cho H đi chở bạn. Sau khi nhận được xe, H điều khiển đi vào tỉnh Ninh Thuận rồi đem cầm cố cho anh Nguyễn Minh T ở khu phố N, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận lấy 14.000.000 đồng tiêu xài.

Khoảng 08 giờ ngày 28/7/2023, Phan Long H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị Phan Thị Minh T đem cầm cố lấy tiền tiêu xài, H gọi điện thoại và đi tìm gặp chị T để hỏi mượn xe mô tô, khi gặp chị T tại thôn L, xã B, thành phố T, H nói dối với chị T cho Hòa mượn xe để đi công việc đồng thời hẹn chiều sẽ trả lại, tin H nói là thật nên chị T đã đồng ý đưa cho H mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 78G1-619.13, nhận được xe H điều khiển đem đến cầm cố cho ông Nguyễn Lâm T ở khu phố M, phường H, thị xã Đ lấy 20.000.000 đồng. Ngày 21/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã phát hiện thu giữ xe mô tô biển số 78G1-619.13.

Sau khi gây án, Phan Long H bỏ trốn, ngày 21/02/2024 Hoà đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội, chỉ nơi cầm cố xe mô tô biển số 78E1-381.54 để cơ quan điều tra thu giữ xe.

Kết luận định giá tài sản số 49 ngày 14/7/2023 và số 62 ngày 16/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen xám, biển số 78E1-381.54 trị giá 22.750.000 đồng; xe mô tô Honda, nhãn hiệu Vision, màu đỏ, biển số 78G1-619.13 trị giá 34.050.000 đồng.

Vật chứng, đồ vật thu giữ: 02 xe mô tô biển số 78E1-381.54 và 78G1-619.13, đã giải quyết trả lại chủ sở hữu.

Phản dân sự: các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Cáo trạng số 58/CT-VKSTH ngày 02/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa đã truy tố bị cáo Phan Long H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ. Bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề nghị xem xét. Riêng ông Nguyễn Lâm T có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo Phan Long H thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Lâm T số tiền 20.000.000 đồng.

Bị hại chị Phan Thị Minh T không có yêu cầu bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lâm T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Trong thời gian tạm giữ, tạm giam, bị cáo đã nhận thấy hành vi sai trái của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về gia đình và hoà nhập cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 29/5/2023, với mục đích chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen xám biển số 78E1-381.54 trị giá 22.750.000 đồng của anh Hà Thúc K, bị cáo Phan Long H đã sử dụng thủ đoạn gian dối, nói anh K cho mượn xe mô tô để đi chở bạn đến cùng uống nước nhưng sau đó H đã

mang xe của anh K vào tỉnh Ninh Thuận và cầm cố với số tiền 14.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 28/7/2023, cũng với thủ đoạn gian dối, H đã nói dối chị Phan Thị Minh T cho mượn xe mô tô Honda, nhãn hiệu Vision, màu đỏ, biển số 78G1-619.13 trị giá 34.050.000 đồng để đi công việc và hẹn sẽ trả lại trong chiều cùng ngày nhưng sau đó bị cáo điều khiển xe qua thị xã Đ và cầm cố với số tiền 20.000.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản thì tổng giá trị 02 xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt là 56.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đồng thời gây mất trật tự, an ninh ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe nhưng không kiếm thu nhập bằng sức lao động chân chính của mình mà lại dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo phạm tội 02 lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét bị cáo đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, được bị hại chị T xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo không thu nhập ổn định, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Đối với anh Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Lâm T không biết các xe mô tô này là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Hà Thúc K, chị Phan Thị Minh T đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lâm T yêu cầu bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng; bị cáo đồng ý bồi thường phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Long H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Phạt bị cáo Phan Long Hòa 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 21/02/2024).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Phan Long H phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lâm T số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị hại ông Hà Thúc K, chị Phan Thị Minh T không yêu cầu bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phan Long H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 (Một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại Phan Thị Minh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lâm T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại ông Hà Thúc K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND TP. Tuy Hòa;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Công an TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Khánh Thoa